

Bản án số: 287/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 22 - 6 - 2020.
Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con
sau khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà.

Ông Nguyễn Hữu Đệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Xuân Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 22/6/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 210/2020/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020 về việc tranh chấp Ly hôn và nuôi con sau khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2020/QĐXXST– HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2020/QĐST – HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 19/9/1998, chứng minh nhân dân số 001198004xxx do Cục cảnh sát cấp ngày 01/4/2015.

Hộ khẩu thường trú: Thôn PH 1, xã DT, huyện ĐA, thành phố Hà Nội; Nơi ở: Thôn TQ, xã DT, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức X, sinh ngày 22/11/1991, giấy chứng minh nhân dân số 012849xxx do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 22/02/2006.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn PH 1, xã DT, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đức X kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã DT, huyện ĐA, thành phố Hà Nội ngày 07/11/2016. Sau khi kết hôn, anh chị ở riêng tại Thôn PH 1, xã DT, huyện ĐA, thành phố Hà Nội tại nhà của gia đình anh X có từ trước. Quá trình chung sống giữa anh chị nảy sinh mâu thuẫn.

Theo chị T trình bày: Anh chị đã nảy sinh mâu thuẫn từ tháng 11 năm 2018 và sau đó còn có nhiều lần mâu thuẫn nhưng vợ chồng tự giải quyết được với nhau cho đến tháng 11 năm 2019 thì lại xảy ra mâu thuẫn trầm trọng và chị bỏ về nhà chị ở cho đến nay. Nguyên nhân anh chị mâu thuẫn là do vấn đề kinh tế và anh X không tôn trọng chị, Anh chị đã nhiều lần tự giải quyết và cho nhau cơ hội nhưng cuối cùng vẫn tiếp tục mâu thuẫn, không sửa đổi được. Lần cuối chị bỏ đi, anh X cũng đã vài lần gọi cho chị, bảo chị về nhưng chị xác định không thể tiếp tục chung sống cùng anh có hạnh phúc nên chị không về. Gia đình anh không gặp gỡ gia đình chị để dàn xếp cho hai bên. Chị đã từng làm đơn xin ly hôn đến Tòa án và anh X gây khó khăn không đến Tòa nên chị rút đơn nhưng anh chị không về ở với nhau vì chị xác định tình cảm không còn. Do vậy, chị xin ly hôn để ổn định cuộc sống riêng.

Theo anh Nguyễn Đức X trình bày: Anh chị mâu thuẫn từ tháng 11 năm 2019. Nguyên nhân mâu thuẫn không chỉ là giữa vợ chồng anh chị mà còn là giữa anh và bố mẹ chị T. Anh đã nhiều lần đến đón chị T về ở cùng anh nhưng chị không về và gia đình chị T cũng tác động để chị T không về với anh. Gia đình anh không xuống nói chuyện với gia đình chị T để dàn xếp cho vợ chồng và chính quyền địa phương chưa hòa giải. Anh xác định tình cảm vợ chồng anh chị không thể hàn gắn nên đồng ý ly hôn nhưng anh không đến Tòa án để giải quyết.

Về con chung: Anh chị thống nhất trình bày vợ chồng có một con chung là: Nguyễn Đức L, sinh ngày 07/9/2017. Cháu khỏe mạnh, bình thường và đang ở cùng chị T. Ly hôn, anh chị cùng thống nhất quan điểm để cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu L.

Chị Nguyễn Thị T xác định: Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Chị đang làm công nhân tại khu công nghiệp, thu nhập bình quân 6.000.000 đồng/1 tháng.

Anh Nguyễn Đức X xác định: Anh đồng ý để chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung của anh chị và tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh vì hiện nay công việc của anh chưa ổn định nhưng anh đề nghị Tòa án đảm bảo quyền lợi về việc thăm nom con chung của anh.

Về tài sản chung của vợ chồng: Anh chị cùng xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị T giữ nguyên các ý kiến, yêu cầu đã trình bày với Tòa án. Chị T xác định, thời gian gần đây mẹ anh T có đến nhà chị mời giỗ bố anh T và nói chuyện bảo chị về chung sống cùng anh T nhưng chị xác định anh chị không thể khắc phục mâu thuẫn để chung sống hạnh phúc nên chị không về ở cùng anh T và xin ly hôn để ổn định cuộc sống riêng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đã tuân theo đúng quy định của pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T với anh Nguyễn Đức X.

Về con: Anh chị có một con chung là: Nguyễn Đức L, sinh ngày 07/9/2017. Ly hôn, giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh X cho đến khi con chung của anh chị thành niên hoặc có sự thay đổi khác.

Anh X có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm không giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Đức X đã được tổng đạt hợp lệ đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, do vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, dành quyền kháng cáo cho anh theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đức X: Anh chị tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã DT, huyện ĐA, thành phố Hà Nội ngày 07/11/2016 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Anh chị cùng thống nhất xác định vợ chồng mâu thuẫn tuy xác định thời điểm mâu thuẫn có khác nhau. Theo chị T, vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2018 nhưng theo anh X thì anh chị mâu thuẫn

từ năm 2019 và anh chị đã ly thân từ tháng 11 năm 2019 cho đến nay. Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh chị xác định có sự khác biệt nhưng đều xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị T xin ly hôn và anh X đồng ý ly hôn nhưng anh X xác định anh không đến Tòa án để giải quyết. Kết quả xác minh tình trạng mâu thuẫn của anh chị cho thấy quan hệ vợ chồng anh chị đã xảy ra mâu thuẫn như anh chị trình bày. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2019 cho đến nay, không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với nhau. Tuy chính quyền địa phương chưa hòa giải cho anh chị nhưng bản thân anh X đã nhiều lần đón chị T nhưng chị không về cho thấy quan hệ giữa anh chị đã căng thẳng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T đã làm đơn xin ly hôn anh tại Tòa án và đã rút đơn nhưng anh chị cũng không về chung sống cùng nhau. Do vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T với anh Nguyễn Đức X là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về con chung: Anh chị thống nhất xác định vợ chồng có một con chung là: Nguyễn Đức L, sinh ngày 07/9/2017. Cháu khỏe mạnh, bình thường và trong thời gian anh chị sống ly thân thì cháu ở cùng chị T.

Ly hôn, anh chị đều có quan điểm đề nghị giao cháu L cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên giao cháu L cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật. Chị T đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con chung còn anh X đề nghị tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh vì công việc hiện chưa ổn định. Qua xác minh cho thấy tình trạng công việc và thu nhập của anh X hiện nay không ổn định nên việc tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh là phù hợp pháp luật và cũng phù hợp với yêu cầu của chị T không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung của vợ chồng: Anh chị cùng thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, chị Nguyễn Thị T phải chịu là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Điều 203, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T với anh Nguyễn Đức X. Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đức X.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đức X có một con chung là: Nguyễn Đức L, sinh ngày 07/9/2016. Ly hôn, giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L và tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh X cho đến khi con chung của anh chị thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Anh Nguyễn Đức X có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản của vợ chồng: Do các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, chị Nguyễn Thị T chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0016160 ngày 13/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Đức X có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đông Anh;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- THA dân sự huyện Đông Anh;
- UBND xã DT, huyện ĐA, thành phố Hà Nội (GCN kết hôn số 94 ngày 07/11/2016);

- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Thanh